

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bảo Châu.

2. Ông Nguyễn Đức Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1981.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 07, tổ 3, phường Đ, thị xã A, G. Chị T có mặt. Anh vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 24/6/2020; bản tự khai lập ngày 29/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện A (Nay là UBND phường Đ, thị xã A) tỉnh G vào ngày 03/01/2003. Từ sau kết hôn đến nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì không cùng quan điểm sống. Vợ chồng thường hay cãi vã vì nhiều lý do vô cớ dẫn đến cuộc sống gia

đình luôn căng thẳng. Hiện chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/10/2003. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của anh, vì nguyện vọng của con cũng muốn sống với anh T. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản khai lập ngày 02/7/2020 bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh T thống nhất với lời khai của chị T về việc kết hôn, con chung và tài sản của vợ chồng. Về cuộc sống chung của vợ chồng theo anh thì vợ chồng vẫn chung sống bình thường mặc dù đôi khi có xảy ra cãi vã nhưng không xúc phạm nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị T. Riêng việc nuôi con chung, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không thống nhất để chị T nuôi con.

Tại buổi hòa giải đoàn tụ, chị T và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, thống nhất việc giao cho anh T nuôi con chung, chị T không cấp dưỡng. Không thống nhất được với nhau về việc ly hôn. Chị T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc không thể tiếp tục duy trì. Anh T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là có nhưng chưa đến mức phải ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giải quyết cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/10/2003. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Minh T yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh Trần Văn T. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và sinh sống tại phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện A (Nay là UBND phường Đ, thị xã A) tỉnh G vào ngày 03/01/2003. Theo chị T khai thì cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc vì vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm đến nhau vì nhiều lý do vô cớ dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Anh T thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy anh T không muốn ly hôn nhưng không có ý thức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hai bên nhiều lần để hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng anh T không hợp tác. Anh T chỉ có mặt tại buổi hòa giải lần thứ nhất nhưng không tham gia hết buổi hòa giải và không ký biên bản. Điều đó chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn tình cảm của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái cho tốt hơn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cần xử cho chị T ly hôn đối với anh T.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của anh T và nguyện vọng của con chung Trần Nguyễn Nhật T cũng muốn ở với cha nếu cha mẹ ly hôn. Chị T cũng đồng ý để anh T nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, căn cứ điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/10/2003. Do anh T không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho Nguyễn Thị Minh T ly hôn với anh Trần Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/10/2003. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Thẩm tính từ ngày hôm nay (24/9/2020) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000541, ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

4. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn